

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 315

Số báo danh:

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

- A. Sông Đồng Nai. B. Sông Cả. C. Sông Mã. D. Sông Hồng.

Câu 42. Loại cây nào sau đây **không** phải là chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên?

- A. Thuốc lá. B. Chè. C. Cao su. D. Cà phê.

Câu 43. Ở nước ta, bão tập trung nhiều nhất vào tháng nào trong năm?

- A. X. B. VIII. C. XI. D. IX.

Câu 44. Công nghiệp chế biến cà phê của nước ta phân bố chủ yếu ở vùng nào sau đây?

- A. Tây Nguyên. B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
C. Đồng bằng sông Hồng. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 45. Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Đồng bằng sông Cửu Long. B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Trung du và miền núi Bắc Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 46. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta được xem như phần lãnh thổ trên đất liền?

- A. Vùng tiếp giáp lãnh hải. B. Thềm lục địa.
C. Lãnh hải. D. Nội thủy.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Chu Lai thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Bình Định. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Quảng Nam.

Câu 48. Các tuyến đường sắt của nước ta tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đông Nam Bộ.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 49. Các dãy núi ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng chính là

- A. bắc - nam. B. tây - đông. C. tây bắc - đông nam. D. tây nam - đông bắc.

Câu 50. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Nam Bộ. B. Bắc Trung Bộ. C. Nam Trung Bộ. D. Tây Nguyên.

Câu 51. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

- A. Có trữ lượng dầu khí đứng đầu cả nước.
B. Các ngành công nghiệp phát triển rất sớm.
C. Có lịch sử khai thác lâu đời nhất nước ta.
D. Phạm vi của vùng thay đổi theo thời gian.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với Campuchia cả trên đất liền và trên biển?

- A. Đồng Tháp. B. An Giang. C. Cà Mau. D. Kiên Giang.

Câu 53. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm dân tộc của nước ta?

- A. Dân tộc Kinh chiếm tỉ lệ lớn nhất trong tổng số dân.
B. Các dân tộc ít người sống tập trung chủ yếu ở đồng bằng.
C. Mức sống của một bộ phận dân tộc ít người còn thấp.
D. Có nhiều thành phần dân tộc, bản sắc văn hóa đa dạng.

Câu 54. Cơ cấu sản xuất công nghiệp của nước ta **không** chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

- A. Tăng tỉ trọng của các sản phẩm cao cấp. B. Tăng tỉ trọng sản phẩm chất lượng thấp.
C. Giảm tỉ trọng công nghiệp khai thác. D. Tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.

- Câu 55.** Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do
 A. không có đê sông ngăn lũ. B. bão lớn và lũ nguồn về.
 C. mưa lớn và triều cường. D. mưa bão trên diện rộng.
- Câu 56.** Ở Tây Nguyên, các cao nguyên cao 400 - 500m khí hậu khá nóng thuận lợi nhất cho phát triển cây công nghiệp nào sau đây?
 A. Chè. B. Cà phê. C. Hò. D. Trầu.
- Câu 57.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khu công nghiệp ở nước ta?
 A. Chính phủ quyết định thành lập. B. Chuyên sản xuất công nghiệp.
 C. Có nhiều điểm dân cư sinh sống. D. Có ranh giới địa lí xác định.
- Câu 58.** Năng suất lao động xã hội của nước ta còn thấp, chủ yếu nhất là do
 A. phân bố lao động không đều. B. cơ sở hạ tầng còn hạn chế.
 C. cơ cấu kinh tế chậm thay đổi. D. trình độ lao động chưa cao.
- Câu 59.** Nhóm cây nào sau đây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu diện tích trồng trọt ở nước ta hiện nay?
 A. Cây công nghiệp hàng năm. B. Cây công nghiệp lâu năm.
 C. Cây lương thực. D. Cây ăn quả.
- Câu 60.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết trung tâm công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm nào sau đây có quy mô lớn?
 A. TP. Hồ Chí Minh. B. Thái Nguyên. C. Bến Tre. D. Hải Phòng.
- Câu 61.** Khu vực đồi núi nước ta có thể mạnh nông nghiệp chủ yếu nào sau đây?
 A. Sản xuất lương thực và nuôi trồng thủy sản.
 B. Trồng cây lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn.
 C. Chăn nuôi các loại gia cầm và gia súc nhỏ.
 D. Trồng các cây hàng năm và nuôi gia cầm.
- Câu 62.** Biên độ nhiệt độ trung bình năm của phần lãnh thổ phía Nam nước ta thấp hơn phía Bắc là do phần lãnh thổ này
 A. có vùng biển rộng lớn. B. có vị trí ở gần xích đạo.
 C. nằm gần chí tuyến Bắc. D. chủ yếu là địa hình núi.
- Câu 63.** Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa của Hà Nội và Huế?

- A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X.
 B. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.
 C. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.
 D. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần Hà Nội.
- Câu 64.** Nhận xét nào sau đây **không** đúng về hạn chế chủ yếu của Đồng bằng sông Hồng?
 A. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành còn chậm.
 B. Mật độ dân số nhỏ hơn nhiều lần so với cả nước.
 C. Chịu ảnh hưởng của nhiều thiên tai như bão, lụt.
 D. Thiếu nguyên liệu cho việc phát triển công nghiệp.

Câu 65. Ngành vận tải đường biển chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu khối lượng luân chuyển hàng hóa ở nước ta, chủ yếu là do

- A. chở được những hàng hóa nặng, cồng kềnh.
- B. có thời gian vận chuyển hàng hóa kéo dài.
- C. có các đội tàu vận chuyển hàng trọng tải lớn.
- D. vận chuyển trên các tuyến có chiều dài lớn.

Câu 66. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH LÚA THEO MÙA VỤ Ở NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: nghìn ha)

Năm	Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa mùa
2005	2 942,1	2 349,3	2 037,8
2010	3 085,9	2 436,0	1 967,5
2014	3 116,5	2 734,1	1 965,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về diện tích lúa theo mùa vụ ở nước ta qua các năm?

- A. Lúa đông xuân tăng nhiều hơn lúa hè thu.
- B. Lúa đông xuân tăng nhanh hơn lúa hè thu.
- C. Lúa đông xuân tăng, lúa mùa giảm.
- D. Lúa đông xuân giảm, lúa hè thu tăng.

Câu 67. Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc

- A. bảo vệ tài nguyên và môi trường.
- B. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.
- C. nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. nâng cao tay nghề cho lao động.

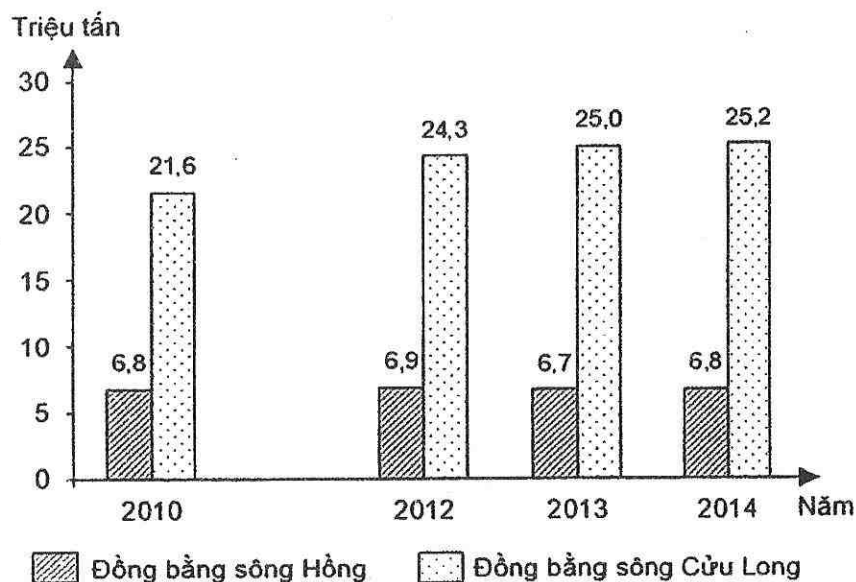
Câu 68. Nhân tố nào sau đây là chủ yếu nhất làm cho Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh có công nghiệp chế biến sữa phát triển mạnh?

- A. Giao thông vận tải phát triển.
- B. Lao động có kĩ thuật cao.
- C. Cơ sở vật chất kĩ thuật tốt.
- D. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.

Câu 69. Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.
- B. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.
- C. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- D. Tăng cường xuất khẩu lao động.

Câu 70. Cho biểu đồ về lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm.
- B. Diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm.
- C. Cơ cấu diện tích lúa của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm.
- D. Sản lượng lúa của Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long qua các năm.

Câu 71. Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có vai trò chủ yếu nào sau đây?

- A. Giữ gìn nguồn gen của các loài sinh vật quý hiếm.
- B. Chắn gió, bão và ngăn không cho cát bay, cát chảy.
- C. Hạn chế tác hại của lũ lên đột ngột trên các sông.
- D. Bảo vệ môi trường sống của động vật hoang dã.

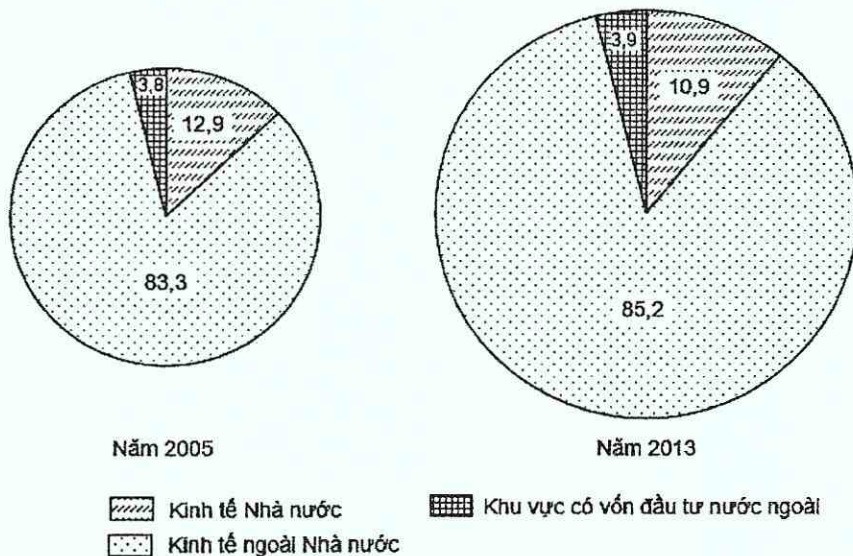
Câu 72. Khó khăn chủ yếu về tự nhiên trong hoạt động của giao thông vận tải biển ở nước ta là

- A. bờ biển dài, có nhiều đảo và quần đảo.
- B. có nhiều bão và áp thấp nhiệt đới.
- C. dọc bờ biển có nhiều cửa sông lớn.
- D. có nhiều vũng, vịnh nước sâu, kín gió.

Câu 73. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho hoạt động khai thác hải sản xa bờ ở nước ta ngày càng phát triển là do

- A. cơ sở chế biến thủy sản ngày càng phát triển.
- B. nguồn lợi sinh vật biển ngày càng phong phú.
- C. lao động có kinh nghiệm ngày càng đông.
- D. tàu thuyền và ngư cụ ngày càng hiện đại hơn.

Câu 74. Cho biểu đồ:



**CƠ CẤU TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ
CỦA NƯỚC TA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ, NĂM 2005 VÀ 2013 (%)**
(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2014, NXB Thống kê, 2015)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ trọng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ của các thành phần kinh tế ở nước ta năm 2013 so với năm 2005?

- A. Kinh tế ngoài Nhà nước và Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đều tăng.
- B. Kinh tế Nhà nước giảm, Kinh tế ngoài Nhà nước tăng.
- C. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng, Kinh tế Nhà nước giảm.
- D. Kinh tế Nhà nước và Kinh tế ngoài Nhà nước đều tăng.

Câu 75. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ khác với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ở những đặc điểm nào sau đây?

- A. Địa hình núi ưu thế, có nhiều cao nguyên và lòng chảo giữa núi.
- B. Đồi núi thấp chiếm ưu thế, gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh.
- C. Mùa hạ chịu tác động mạnh của Tín phong, có đủ ba đai cao.
- D. Ảnh hưởng gió mùa Đông Bắc giảm, tính nhiệt đới tăng dần.

Câu 76. Nghề làm muối ở các tỉnh ven biển Nam Trung Bộ phát triển mạnh là do ở đây có

- A. nền nhiệt thấp, nhiều cửa sông đổ ra biển.
- B. nền nhiệt cao, ít cửa sông lớn đổ ra biển.
- C. nền nhiệt cao, nhiều cửa sông đổ ra biển.
- D. nền nhiệt thấp, ít cửa sông lớn đổ ra biển.

Câu 77. Nguyên nhân chủ yếu nào sau đây làm cho hoạt động nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay gặp nhiều khó khăn?

- A. Bão hoạt động mạnh.
- B. Diện tích mặt nước giảm.
- C. Xâm nhập mặn sâu.
- D. Lượng mưa ngày càng ít.

Câu 78. Hoạt động kinh tế biển nào sau đây ở Đông Nam Bộ thúc đẩy sự thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế của vùng?

- A. Du lịch biển - đảo.
- B. Khai thác sinh vật.
- C. Khai thác khoáng sản.
- D. Giao thông vận tải.

Câu 79. Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU DOANH THU DU LỊCH LỮ HÀNH
PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA, NĂM 2010 VÀ 2014**

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2014
Tổng số	100,0	100,0
Kinh tế Nhà nước	31,9	16,0
Kinh tế ngoài Nhà nước	60,3	72,0
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	7,8	12,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện cơ cấu doanh thu du lịch lữ hành phân theo thành phần kinh tế của nước ta, năm 2010 và 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Đường.
- B. Cột.
- C. Tròn.
- D. Miền.

Câu 80. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp năng lượng của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Sử dụng điện lưới quốc gia qua đường dây 500 kV.
- B. Đã xây dựng một số nhà máy thủy điện quy mô trung bình.
- C. Cơ sở điện chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp.
- D. Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng rất đa dạng và dồi dào.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lý Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

